BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC DỰA TRÊN DỮ LIỆU TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 2162/QĐ-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

PHẦN I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC DỰA TRÊN DỮ LIỆU TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL là căn cứ tái cấu trúc	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.002039	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1009/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố và hướng dẫn kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu học bạ, văn bằng thay thế thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính*	Quốc tịch	Sở Tư pháp và Bộ Tư pháp

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC DỰA TRÊN DỮ LIỆU TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP

Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Trình tự thực hiện

- Khi có yêu cầu xin nhập quốc tịch Việt Nam, công dân nước ngoài và người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam trực tiếp nộp hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam tại Sở Tư pháp, nơi người đó cư trú, không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ.

- Người yêu cầu có thể cung cấp thông tin về giấy tờ (số, ngày cấp, nơi cấp) để cơ quan thụ lý hồ sơ khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, *Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo* thay cho giấy tờ phải nộp đối với các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp sau đây:

+ Giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được miễn một số điều kiện khi xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm:

i) Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để chứng minh có vợ, chồng là công dân Việt Nam;

ii) Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh để chứng minh có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam.

+ Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh của con chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ.

+ Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là bản sao văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp.

- Người thụ lý hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì phải hướng dẫn ngay người xin nhập quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do trong Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch.

Đối với giấy tờ cho phép thay thế bằng việc sử dụng dữ liệu, cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm khai thác trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, *Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo* trên cơ sở thông tin do người dân cung cấp. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ,

không chính xác thì có văn bản gửi cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam; lập danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài (người này phải đáp ứng đủ điều kiện được giữ quốc tịch nước ngoài) hoặc là người không quốc tịch.

Nếu xét thấy hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam chưa đầy đủ, người xin nhập quốc tịch chưa đáp ứng đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ.

Đối với trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không có đủ giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài theo quy định, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho cơ quan thụ lý hồ sơ để yêu cầu người đó tiến hành thôi quốc tịch nước ngoài.

Trong thời hạn 09 tháng, kể từ ngày Bộ Tư pháp có văn bản thông báo mà người xin nhập quốc tịch Việt Nam không nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho thôi quốc tịch nước ngoài thì Bộ Tư pháp quyết định từ chối giải quyết hồ sơ. Thời hạn 09 tháng không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp

thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Khi xem xét hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam, nếu thấy hồ sơ phức tạp hoặc liên quan đến an ninh chính trị, Bộ Tư pháp lấy ý kiến của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Sau khi có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi kết quả giải quyết việc cho nhập quốc tịch Việt Nam cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, để tổ chức lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

Sau khi nhận được Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam gửi kèm thông báo của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam theo nghi thức trang trọng, ý nghĩa, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

Trường hợp người được nhập quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào Sổ hộ tịch. Nội dung ghi chú gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định; người thực hiện ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm ghi chú.

Trong trường hợp Sở Tư pháp nhận được thông báo ghi chú nhưng không còn lưu giữ được Sổ hộ tịch trước đây thì lập Sổ để theo dõi, quản lý và giải quyết các việc về hộ tịch, quốc tịch có liên quan.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định cho nhập

quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, thẻ căn cước, Căn cước điện tử cho người được nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Cách thức thực hiện:

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, nơi người đó cư trú, không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;

- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;

- Bản khai lý lịch;

- Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp) hoặc bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam hoặc bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Việc nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ chỉ thực hiện trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.*

Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;

- Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (phải là

người đang thường trú tại Việt Nam và đã được cơ quan Công an có thẩm quyền của Việt Nam cấp Thẻ thường trú. Thời gian thường trú tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được tính từ ngày người đó được cấp Thẻ thường trú);

- Giấy tờ chứng minh khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam;

- Bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trường hợp người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam xin nhập quốc tịch Việt Nam, trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.

Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Việc nộp giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết chỉ thực hiện trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.

- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:

+ Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; nếu có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh, trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn chỉ thực hiện trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin

trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác;

+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành);

+ Người có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (phải là người có tài năng vượt trội trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục hoặc các lĩnh vực khác đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng hoặc được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương và có cơ sở cho thấy người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam; Doanh nhân, nhà đầu tư là cá nhân có hoạt động kinh doanh, đầu tư tại Việt Nam đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về việc người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển của Việt Nam).

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

+ Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người

dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính; bản sao được chứng thực từ bản chính; bản sao được cấp từ sổ gốc; bản điện tử các giấy tờ này; giấy tờ được tích hợp, hiển thị trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người thụ lý hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ

Thời hạn giải quyết: 105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Công an cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước

Lệ phí: 3.000.000 đồng.

Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:

+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).

+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.1).

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.2).

- Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2025-BKLL).

- Văn bản thoả thuận thay đổi quốc tịch cho con chưa thành niên (Mẫu TP/QT-2025-VBTT).

- Bản cam kết (Mẫu TP/QT-2025-VBCK).

- Bản cam đoan (Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ).

<u>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</u>

- Người nước ngoài và người không quốc tịch đang cư trú ở trong nước có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam;

+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đang thường trú ở Việt Nam;

+ Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong những trường hợp (có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đang thường trú ở Việt Nam;

+ Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc những trường hợp (có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam; có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; có công lao

đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ) được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:

+ Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;

+ Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện được giữ theo quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025.

- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp

- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.1

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm và tên (1): …….Giới tính:……

Ngày, tháng, năm sinh: …….……..…

Nơi sinh (2): ……...

Nơi đăng ký khai sinh (3): ……..……...

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: ……..….…. số: ……...

do:……..…… cấp ngày….…….tháng……năm……..…..

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……/……/……

Nơi cư trú: ……..

……...

Thẻ thường trú số (5):……do:……..…….

…… cấp ngày…….tháng……năm…….

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

……..……

……..……

……..……

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (6):

- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam	☐

- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	☐
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	☐
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	☐

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên là (7): ……..……

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (8):

Con thứ nhất:

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1): …….....Giới tính:…….....

Ngày, tháng, năm sinh: …….…….

Nơi sinh (2): ……...

Nơi đăng ký khai sinh (3):……..

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..…….số:……..…….

do:……..….. cấp ngày…….tháng……năm…..…….

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……..……..

…….……..

Nơi cư trú: ……..

……...

Thẻ thường trú số (5):……do:……..…….

……. cấp ngày…….tháng……năm……

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7): ……..…….…….……

Con thứ hai:

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1): …….....Giới tính: …...….....

Ngày, tháng, năm sinh: …….…….

Nơi sinh (2): ……...

Nơi đăng ký khai sinh (3): ……...…….……..

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: …….số:……..…….

do:……..….. cấp ngày…….tháng……năm…..…….

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ….……..

…….……..

Nơi cư trú: ……..

……...

Thẻ thường trú số (5):……do:……..…….

…….. cấp ngày……tháng…….……năm…….

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (7): ……..…….……..……

Con thứ ……:

……

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (9):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch

	hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch:……..... …… …… …… ……

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:
- ……..
- ……..
- …….….

…….., ngày …….. tháng ….. năm……..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ "không quốc tịch".

(5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin Thẻ thường trú nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.

(6) Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(7) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(8) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(9) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm và tên (1): ……....…..... Giới tính*:……

Ngày, tháng, năm sinh: …….…….……....

Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): …….……...

Nơi sinh (2)*: ……

Quốc tịch*: …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: ……..……. số: ……..….

do:……..…… cấp ngày…….tháng……năm……..……....

Nơi cư trú*: ……..……..…….…….…….…..

…….……..

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện: ……...

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người thứ nhất xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1)……..…… Giới tính:……..……

Ngày, tháng, năm sinh:……

Nơi sinh (2): …….……

Nơi đăng ký khai sinh (3): ……

Quốc tịch hiện nay (4): ……..…….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……số:……..….

do:……..….. cấp ngày…….tháng……năm……..…..

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……/……/……

Nơi cư trú: ……..……

……...

Thẻ thường trú số (5):……..……do:……..…….

…….…… cấp ngày…….….tháng….……năm……

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam: …….…….…….....

…….……..

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6): …..……..……...

Người thứ hai xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

Họ, chữ đệm và tên (1)……..…… Giới tính:…….……

Ngày, tháng, năm sinh:……..

Nơi sinh (2): ……..

Nơi đăng ký khai sinh (3): ……....

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..…….số:……..….

do:……..….. cấp ngày…….tháng……năm……..…..

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……/……/……

Nơi cư trú: ……..…….…

……...

Thẻ thường trú số (5):……do:……..…….

…… cấp ngày…….….tháng….……năm……

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam: ……...…….....

……..……..

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên là (6): …..……...…...

Người thứ …. xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam (7):

- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam	☐
- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam	☐
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	☐
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	☐

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện. ☐	Tôi tự xét thấy ……(9) thuộc trường hợp được giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép……..…… (9) được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Lý do xin giữ quốc tịch: ……..... ……..... …… …… ……

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

- ……..
- ……..
- ……

……, ngày …….. tháng ….. năm……..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin "Họ, chữ đệm và tên", "ngày tháng năm sinh", "Số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)" thì người làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(2) Ghi địa danh theo 02 cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia (nếu sinh ở nước ngoài).

Ví dụ: Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo 02 cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi tên cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại thành phố, quốc gia (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ "không quốc tịch".

(5) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải cung cấp thông tin giấy tờ này nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp.

(6) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lấy tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

(7) Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(8) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(9) Ghi họ, chữ đệm và tên của người được đại diện.

Mẫu TP/QT-2025-BKLL

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm và tên: ……...……...

Ngày, tháng, năm sinh: ……...……..…….……

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): …….……..

……...……

Hộ chiếu Việt Nam (nếu có): ……. do……..…

……..… cấp ngày …… tháng……năm..……..

Nơi làm việc: ……

……...……

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

……..….

…….…..

…….…..…

……..….

…….…..

……...

……...…

……..….

……...…

……..….

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Ông nội (1)**:**

Họ, chữ đệm và tên:…….…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….…….……..……..……

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): …….....……

Quốc tịch:……..…..…….…….

Nơi cư trú hiện nay:…….……..……

…….……..

Bà nội (1)**:**

Họ, chữ đệm và tên:…….…….…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….……

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……

Quốc tịch:……..

Nơi cư trú hiện nay:…….……

……

Ông ngoại (1)**:**

Họ, chữ đệm và tên:…….…….…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….…….

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……

Quốc tịch:……

Nơi cư trú hiện nay:…….……

……

Bà ngoại (1)**:**

Họ, chữ đệm và tên:…….…….…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….…….

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……

Quốc tịch:……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……

Người cha:

Họ, chữ đệm và tên*:…….…….…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….…….

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……

Quốc tịch:……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……

Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên*:…….…….…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….…….

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……

Quốc tịch:……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm và tên*:…….…….…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….…….

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……

Quốc tịch:……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:……..… Giới tính *:……

Ngày, tháng, năm sinh:……

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*: ……..…

Quốc tịch*:…….……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……...……

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên*:……..… Giới tính *:……

Ngày, tháng, năm sinh:……

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)*: ……..…

Quốc tịch*:…….……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……...……

Con thứ ……:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên:……..… Giới tính:……

Ngày, tháng, năm sinh:……

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……..…

Quốc tịch:…….……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……...……

Anh/chị/em ruột thứ hai:

Họ, chữ đệm và tên:……..… Giới tính:……

Ngày, tháng, năm sinh:……

Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có): ……..…

Quốc tịch:…….……

Nơi cư trú hiện nay:……..……

……...……

Anh/chị/em ruột thứ ……:

(Nếu số lượng con, anh/chị/em ruột nhiều hơn 02 người thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

……., ngày …. tháng …. năm ……...

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1): Chỉ khai trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam.

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin "Họ, chữ đệm và tên", "ngày tháng năm sinh", "Số định danh cá nhân/số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số thẻ căn cước/số căn cước điện tử (nếu có)" thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

Mẫu TP/QT-2025-VBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN THỎA THUẬN THAY ĐỔI QUỐC TỊCH CHO CON CHƯA THÀNH NIÊN

Kính gửi (1): …….……..……..

1. Người cha:

Họ, chữ đệm và tên: ……..…….

Ngày, tháng, năm sinh: …….…….…….…….…….....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2):

số…...…….……do……...……

……..……..…. cấp ngày…… tháng ……năm ……..

Quốc tịch:

……...……...…..……...……

Nơi cư trú hiện nay:…….…….……

…….……..……..

2. Người mẹ:

Họ, chữ đệm và tên: ……..…….…

Ngày, tháng, năm sinh: …….…….…….…….…….....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2): …….…….

số…...…….……do……...……

……..……..…. cấp ngày…… tháng ……năm …….

Quốc tịch:

……...……...…..……...……

Nơi cư trú hiện nay:…….…….……

…….……..……..

Bằng văn bản này, chúng tôi đồng ý cho con của chúng tôi là:

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên: ……..……..

Ngày, tháng, năm sinh: …….…….…….…….…….…....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2): …….……

số…...…….……do……...……

……..……..…. cấp ngày…… tháng ……năm

Nơi cư trú hiện nay:…….…….……

…….……..……..

- Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm và tên: ……..….……..

Ngày, tháng, năm sinh: …….…….…….…….…….…....

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (2): …….……

số…...…….……do……...……

……..……..…. cấp ngày…… tháng ……năm

Nơi cư trú hiện nay:…….…….……

…….……..……..

- Con thứ …:

Nội dung thoả thuận

….……..……..

……...……

…..……

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận nêu trên./.

Làm tại ..... , ngày ..... tháng .... năm .....

Người cha	**Người mẹ**
(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)	*(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)*

Người con (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi)

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(2) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, nơi cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

(3) Ghi rõ nội dung thoả thuận phù hợp với loại việc đề nghị giải quyết.

Mẫu TP/QT-2025-VBCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT (1)

Kính gửi (2): .....

Họ, chữ đệm và tên: ……..……..…

Ngày, tháng, năm sinh: ……...…….…..

Nơi cư trú:

……...…….……

…….……...

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3): …….……

số…...…….……do……...……

……..……..…. cấp ngày…… tháng ……năm ……..

Quốc tịch: ……..……..……

Tôi xin cam kết:

……..……..

……...……

……...……

……...……

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ..... , ngày ..... tháng .... năm .....

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam kết.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.

Mẫu TP/QT-2025-VBCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN (1)

Kính gửi (2): .....

Họ, chữ đệm và tên: ……..…….

Ngày, tháng, năm sinh: ……...……...…….

Nơi cư trú:

……...……..……

…….

Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế (3): ……

số…...…….……do……...……

……..……..…. cấp ngày…… tháng ……năm ……..…

Nội dung cam đoan …

……..……..……..

……...……

……...……

……...……

……...……

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết nêu trên./.

Làm tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Người cam đoan

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm và tên)

Chú thích:

(1) Văn bản này được sử dụng khi thực hiện các thủ tục quốc tịch có quy định về cam đoan.

(2) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ quốc tịch.

(3) Ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp giấy tờ tùy thân. Ví dụ: Hộ chiếu Việt Nam số C0123456 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 01/7/2024.